

**CÔNG TY CỔ
PHẦN QUẢN
LÝ QUỸ HỢP
LỰC**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HỢP LỰC
DN: cn=CÔNG TY CỔ PHẦN
QUẢN LÝ QUỸ HỢP LỰC c=VN
l=Ba Đình
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2021-03-31 18:22+07:00

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HỢP LỰC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Báo cáo tình hình biến động Vốn chủ sở hữu	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 26

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HỢP LỰC

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Hợp Lực trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Hợp Lực (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 35/UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 13 tháng 5 năm 2008 và Giấy phép số 46/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/8/2019.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: UNITED CAPITAL MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: UNICAP

Trụ sở chính: Tầng 25, FLC Twin Towers, số 265 Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Theo Giấy phép, hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, Công ty đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát nội bộ và Ban Tổng giám đốc của Công ty trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lã Quý Hiền Chủ tịch HĐQT – Người đại diện theo pháp luật

Ông Chu Tiến Vượng Thành viên độc lập

Ông Bùi Hồng Hải Thành viên độc lập (miễn nhiệm từ 28/04/2020)

Bà Huỳnh Thị Thu Hương Thành viên

Ông Lê Mỹ Hà Thành viên

Kiểm soát nội bộ

Ông Nguyễn Thanh Ba Trưởng bộ phận kiểm soát nội bộ

Ông Nguyễn Như Nam Thành viên

Tổng giám đốc và Phụ trách kế toán

Ông Lê Mỹ Hà Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Anh Phụ trách kế toán

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HỢP LỰC

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Hội đồng quản trị cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm phê duyệt phát hành Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Hợp Lực. Theo ý kiến của Hội đồng quản trị Công ty, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán áp dụng cho Công ty quản lý quỹ ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Ông Lê Quý Hiền

Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2021

Số. 152/2021/BCKT-CPA VIETNAM-NV3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Hợp Lực

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Hợp Lực**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Hợp Lực (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2021, từ trang 5 đến trang 26, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Hợp Lực tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh các luồng lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán áp dụng cho Công ty Quản lý quỹ ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Bùi Thị Thúy
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2021/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, Ngày 30 tháng 03 năm 2021

Lưu Anh Tuấn
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1026-2019-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2020

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		17.813.472.141	28.242.468.920
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	12.599.505.525	19.027.116.905
1. Tiền	111		12.599.505.525	19.027.116.905
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		455.400.000	3.114.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5.2	22.905.369.536	22.905.369.536
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	129	5.2	(22.449.969.536)	(19.791.369.536)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.743.311.616	6.069.627.015
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	1.884.199.033	400.112.172
2. Trả trước cho người bán	132	5.4	-	20.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	135	5.5	2.859.112.583	5.649.514.843
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		15.255.000	31.725.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	15.255.000	31.725.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		9.105.064.000	3.541.564.379
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.105.064.000	3.528.720.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	2.105.064.000	3.528.720.000
II. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	-	-
- Nguyên giá	222		763.317.640	763.317.640
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(763.317.640)	(763.317.640)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	-	-
- Nguyên giá	228		249.881.565	249.881.565
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(249.881.565)	(249.881.565)
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		7.000.000.000	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.9	7.000.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	12.844.379
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	-	12.844.379
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		26.918.536.141	31.784.033.299

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31/12/2020

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		814.508.328	910.734.662
I. Nợ ngắn hạn	310		814.508.328	910.734.662
1. Phải trả người bán ngắn hạn	312	5.10	652.400.000	652.400.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	2.003.898	5.288.980
4. Phải trả người lao động	315		115.175.038	221.423.810
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	44.929.392	31.621.872
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		26.104.027.813	30.873.298.637
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.13	26.104.027.813	30.873.298.637
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(73.895.972.187)	(69.126.701.363)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400) 440			26.918.536.141	31.784.033.299

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HỢP LỰC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu B 01 - CTQ

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản	Thuyết minh	Mã số	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
1	2	3	4	5
1. Tài sản cố định thuê ngoài		001		
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ		002		
3. Tài sản nhận ký cược		003		
4. Nợ khó đòi đã xử lý		004		
5. Ngoại tệ các loại		005		
6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ		006		
Trong đó:				
6.1 Chứng khoán giao dịch		007		
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		008		
6.3 Chứng khoán cầm cố		009		
6.4 Chứng khoán tạm giữ		010		
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán		011		
6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút		012		
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch		013		
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay		014		
6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch		015		
7. Chứng khoán lưu ký của Công ty quản lý quỹ		020		
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác		030		
8.1 Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	5.14	031	205.620.564	2.777.479
8.2 Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		032		
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác		040		
9.1 Nhà đầu tư ủy thác trong nước	5.15	041	100.000.000.000	100.000.000.000
9.1 Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		042		
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác		050	1.884.199.033	400.112.172
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác		051	3.752.264	3.811.588

Người lập



Nguyễn Quang Anh

Phụ trách kế toán



Nguyễn Quang Anh

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2021

Chủ tịch HĐQT



Lã Quý Hiền

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh	01	5.16	1.484.086.861	422.716.584
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01-02)	10		1.484.086.861	422.716.584
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11	5.17	271.110.874	101.441.570
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20 = 10-11)	20		1.212.975.987	321.275.014
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.18	1.689.488	647.764
7. Chi phí tài chính	22	5.18	2.659.258.800	3.852.793.200
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.19	3.324.677.499	5.374.882.673
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		(4.769.270.824)	(8.905.753.095)
10. Thu nhập khác	31	5.20	-	-
11. Chi phí khác	32	5.20	-	232.560.781
12. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		-	(232.560.781)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		(4.769.270.824)	(9.138.313.876)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(4.769.270.824)	(9.138.313.876)
17. Lãi trên cổ phiếu	70	5.21	(477)	(914)

Người lập

Phụ trách kế toán

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2021

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Quang Anh



Nguyễn Quang Anh



Lã Quý Hiền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
1	2	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(4.769.270.824)	(9.138.313.876)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	-	-
- Các khoản dự phòng	03	2.658.600.000	3.852.000.000
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	-	-
- Chi phí lãi vay	06	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(2.110.670.824)	(5.286.313.876)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(800.028.601)	(5.071.441.442)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(96.226.334)	(261.345.398)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	29.314.379	1.206.408.520
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.977.611.380)	(9.412.692.196)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(7.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	3.550.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.450.000.000)	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(6.427.611.380)	(9.412.692.196)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	19.027.116.905	28.439.809.101
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	12.599.505.525	19.027.116.905


Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2021

Người lập



Nguyễn Quang Anh

Phụ trách kế toán



Nguyễn Quang Anh

Chủ tịch HĐQT



Lê Quý Hiện

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HỢP LỰC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu B05 - CTQ

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Chi tiêu	TM	Số dư đầu năm		Số tăng/ giảm				Số dư cuối năm	
		01/01/2019		01/01/2020		Năm 2019		Năm 2020	
		tăng	giảm	tăng	giảm	tăng	giảm	tăng	giảm
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2. Quỹ dự phòng tài chính									
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu									
4. Lợi nhuận chưa phân phối									
Cộng									
		100.000.000.000	100.000.000.000	(9.138.313.876)	(9.138.313.876)	-	(4.769.270.824)	(69.126.701.363)	(73.895.972.187)
								30.873.298.637	26.104.027.813

Người lập

Phụ trách kế toán

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2021



Nguyễn Quang Anh

Nguyễn Quang Anh

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Hợp Lực (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 35/UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 13 tháng 5 năm 2008, Giấy phép điều chỉnh số 46/GPDC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/8/2019.

Vốn Điều lệ: 100.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng).

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm các hoạt động sau:

- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, Công ty đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Số lao động bình quân trong năm 2020: 12 nhân viên (Năm 2019 là 13 nhân viên).

2. KỸ KẾ TOÁN, CÔNG TY TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với chế độ kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ban hành ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng được không được cung cấp thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán không được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển.

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi. Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

Các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Đầu tư chứng khoán và Đầu tư khác

Chứng khoán tự doanh bao gồm các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán. Chứng khoán tự doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Các chứng khoán tự doanh được tiếp tục phản ánh theo giá gốc trong các năm tài chính tiếp theo và được lập dự phòng giảm giá nếu giá gốc cao hơn giá thị trường có thể xác định được. Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong năm.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán

Được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Giá thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở giá đóng cửa của SGDCK HN & SGDCK HCM tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với các chứng khoán của Công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

Giá trị trường của các chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch ở Trung tâm giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 03 Công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá 01 tháng tính đến ngày trích lập dự phòng. Công ty không thực hiện trích lập dự phòng cho các chứng khoán không có đủ 03 báo giá hoặc không có giao dịch trong vòng một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng.

Đối với chứng khoán niêm yết bị huỷ hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là Công ty độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các Công ty trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu (Tiếp theo)

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hoá và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hoá đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành, Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình: Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình: Là phần mềm quản lý được phản ánh theo giá gốc và trình bày theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

b. Phương pháp khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

	Thời gian khấu hao
	Số năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	05
Tài sản cố định vô hình	05

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ;

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu và Phân phối lợi nhuận

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của các cổ đông. Lợi nhuận sau thuế được phân phối theo quyết định của Đại hội cổ đông Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Hợp Lực và luật hiện hành của Việt Nam.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được 1 cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ: Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ phí quản lý quỹ, phí tư vấn đầu tư chứng khoán, phí quản lý danh mục đầu tư uỷ thác và phí thường hoạt động được ghi nhận theo các điều khoản hợp đồng quản lý danh mục đầu tư.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán: Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán với giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập lãi: Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Cổ tức và Lợi nhuận được chia: Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Công ty mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu nắm giữ.

Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 125/2011/QĐ-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài Chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HỢP LỰC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09 - CTQ****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	431.426.531	1.091.114.906
Tiền gửi ngân hàng	12.168.078.994	17.936.001.999
Tổng	12.599.505.525	19.027.116.905

5.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu	180.000	22.905.369.536	180.000	22.905.369.536
Công ty CP Xây dựng FLC Faros - ROS	180.000	22.905.369.536	180.000	22.905.369.536
Tổng		22.905.369.536		22.905.369.536
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(22.449.969.536)		(19.791.369.536)
Giá trị hợp lý	180.000	455.400.000	180.000	3.114.000.000

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	1.884.199.033	400.112.172
Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc Thanh hóa	953.084.643	211.331.351
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển An Thịnh Đạt	931.114.390	188.780.821
Dài hạn	-	-
Tổng	1.884.199.033	400.112.172

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	-	20.000.000
Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM	-	20.000.000
Dài hạn	-	-
Tổng	-	20.000.000

5.5 Phải thu khác ngắn hạn/dài hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị ghi sổ	VND Dự phòng	Giá trị ghi sổ	VND Dự phòng
Ngắn hạn	2.859.112.583	-	5.649.514.843	-
Tạm ứng	-	-	2.040.402.260	-
Ký cược, ký quỹ	10.000.000	-	10.000.000	-
Phải thu khác	2.849.112.583	-	3.599.112.583	-
<i>Tổng Trường Sơn</i>	-	-	<i>3.550.000.000</i>	-
<i>Công ty CP ĐT và Khoáng Sản FLC AMD</i>	<i>49.112.583</i>	-	<i>49.112.583</i>	-
<i>Công ty TNHH ĐT Du thuyền - sân Golf FLC Biscom (i)</i>	<i>2.800.000.000</i>	-	-	-
Dài hạn	2.105.064.000	-	3.528.720.000	-
- Ký cược, ký quỹ	2.105.064.000	-	-	-
<i>Công ty CP kết nối tài chính Việt Nam (ii)</i>	<i>2.105.064.000</i>	-	<i>3.528.720.000</i>	-
<i>Trong đó số dư bên liên quan</i>				
<i>Công ty CP kết nối tài chính Việt Nam (ii)</i>	<i>2.105.064.000</i>	-	<i>3.528.720.000</i>	-
Tổng	4.964.176.583	-	9.178.234.843	-

(i): Khoản thanh toán theo Hợp đồng dịch vụ số 1004/2020/HĐDV/BISCOM – UNICAP ngày 10/04/2020 với mục đích thuê vị trí quảng cáo tại dự án Quần thể du lịch nghỉ dưỡng sinh thái FLC Quảng Ninh tại sân golf Hạ Long Bay Golf Club. Do dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến việc khai thác quảng cáo tại các khu du lịch, do đó 2 Bên đã chủ động thương thảo chấm dứt hợp đồng dịch vụ quảng cáo theo thỏa thuận chấm dứt hợp đồng dịch vụ số 1004/2020/HĐDV/BISCOM – UNICAP ngày 29/04/2020. Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính năm 2020, Công ty TNHH Đầu tư Du thuyền – Sân Golf FLC BISCOM đã thực hiện thanh toán 1,8 tỷ đồng vào ngày 24/03/2021).

(ii) Khoản ký quỹ, ký cược dài hạn với Công ty Cổ phần kết nối tài chính Việt Nam là tiền đặt cọc thuê văn phòng tầng 25 (thuê trong 05 năm) theo Hợp đồng số 25T-01/2019/HĐVP/VFL – UNICAP ngày 15/04/2019.

5.6 Chi phí trả trước

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	15.255.000	31.725.000
Dịch vụ điện toán đám mây	15.255.000	31.725.000
Dài hạn	-	12.844.379
CCDC xuất dùng	-	4.633.512
Các khoản khác	-	8.210.867
Tổng	15.255.000	44.569.379

5.7 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	<u>Thiết bị quản lý</u>	<u>Tổng</u>
<u>Nguyên giá</u>		
Tại ngày 01/01	763.317.640	763.317.640
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12	<u>763.317.640</u>	<u>763.317.640</u>
<u>Hao mòn lũy kế</u>		
Tại ngày 01/01	763.317.640	763.317.640
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12	<u>763.317.640</u>	<u>763.317.640</u>
<u>Giá trị còn lại</u>		
Tại ngày 01/01	-	-
Tại ngày 31/12	<u>-</u>	<u>-</u>

5.8 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	<u>Phần mềm quản lý</u>	<u>Tổng</u>
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01	249.881.565	249.881.565
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12	<u>249.881.565</u>	<u>249.881.565</u>
Hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01	249.881.565	249.881.565
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12	<u>249.881.565</u>	<u>249.881.565</u>
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01	-	-
Tại ngày 31/12	<u>-</u>	<u>-</u>

5.9 Đầu tư dài hạn khác

Đơn vị tính: VND

Tên đơn vị	31/12/2020		01/01/2020	
	Tỉ lệ vốn nắm giữ	Giá trị VND	Tỉ lệ vốn nắm giữ	Giá trị VND
Công ty Cổ phần đầu tư địa ốc Alaska	0,7%	7.000.000.000	-	-
Tổng	-	7.000.000.000	-	-

Đầu tư 70.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Alaska (mệnh giá 100.000 đồng/cổ phần), tương đương 0,7% Vốn điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Alasca (Vốn Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Alasca tại thời điểm đầu tư: 1.000 tỷ đồng). Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần nêu trên.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư nêu trên do cổ phiếu của Công ty Cổ phần Alasca chưa được niêm yết nên chưa xác định được giá giao dịch trên thị trường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - CTQ

5.10 Phải trả người bán

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	652.400.000	652.400.000	652.400.000	652.400.000
CN Công ty TNHH Đầu tư Du thuyền - sân Golf FLC Biscorn tại tỉnh Quảng Ninh	652.400.000	652.400.000	652.400.000	652.400.000
Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	652.400.000	652.400.000	652.400.000	652.400.000

5.11 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2020	Số được khấu trừ / Phải nộp trong năm	Số đã khấu trừ / thực nộp trong năm	31/12/2020
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	5.288.980	44.934.351	48.219.433	2.003.898
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Tổng	5.288.980	47.934.351	51.219.433	2.003.898

5.12 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	44.929.392	31.621.872
Các khoản bảo hiểm bắt buộc	44.929.392	31.621.872
Dài hạn	-	-
Tổng	44.929.392	31.621.872

5.13 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Tại ngày 01/01/2019	100.000.000.000	(59.988.387.487)	40.011.612.513
Tăng trong năm	-	(9.138.313.876)	(9.138.313.876)
Lỗi trong năm	-	(9.138.313.876)	(9.138.313.876)
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2020	100.000.000.000	(69.126.701.363)	30.873.298.637
Tại ngày 01/01/2020	100.000.000.000	(69.126.701.363)	30.873.298.637
Tăng trong năm	-	(4.769.270.824)	(4.769.270.824)
Lỗi trong năm	-	(4.769.270.824)	(4.769.270.824)
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2020	100.000.000.000	(73.895.972.187)	26.104.027.813

b. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	100.000.000.000	100.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

c. Cổ phiếu

	31/12/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - CTQ

5.14 Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Số đầu năm	2.777.479	-
Số tăng trong năm	247.836.917	100.036.300.800
Số giảm trong năm	(44.993.832)	(100.033.523.321)
Số cuối năm	<u>205.620.564</u>	<u>2.777.479</u>

5.15 Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Nhà đầu tư ủy thác trong nước	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc Thanh Hóa	50.000.000.000	50.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển An Thịnh Đạt	50.000.000.000	50.000.000.000
[*]		
Tổng	<u>100.000.000.000</u>	<u>100.000.000.000</u>

[*] Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển An Thịnh Đạt được đổi tên từ Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Xuất nhập khẩu Vietexco

5.16 Doanh thu hoạt động kinh doanh

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Phí quản lý danh mục Đầu tư ủy thác	1.484.086.861	422.716.584
Tổng	<u>1.484.086.861</u>	<u>422.716.584</u>
Các khoản giảm trừ	-	-
Cộng	<u>1.484.086.861</u>	<u>422.716.584</u>

[*] Phí quản lý danh mục Đầu tư Ủy thác với Công ty TNHH Đầu tư địa ốc Thanh Hóa (HĐ số 03/2019/HĐ/UNICAP ngày 11/09/2019) và Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển An Thịnh Đạt, (HĐ số 02/2019/HĐ/UNICAP ngày 11/09/2019).

5.17 Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn quản lý danh mục đầu tư ủy thác	271.110.874	101.441.570
Tổng	<u>271.110.874</u>	<u>101.441.570</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - CTQ

5.18 Doanh thu/ Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>		
Lãi tiền gửi	1.689.488	647.764
Tổng	1.689.488	647.764
<i>Chi phí hoạt động tài chính</i>		
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	2.658.600.000	3.852.000.000
Chi phí tài chính khác	658.800	793.200
Tổng	2.659.258.800	3.852.793.200
Lãi (lỗ) hoạt động tài chính	(2.657.569.312)	(3.852.145.436)

5.19 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.324.677.499	5.374.882.673
Chi phí nhân viên quản lý	1.269.557.595	2.197.446.952
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	29.404.128	91.152.116
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.002.257.914	3.034.183.604
Chi phí bằng tiền khác	20.457.862	49.100.001
Tổng	3.324.677.499	5.374.882.673

5.20 Thu nhập khác / Chi phí khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu nhập khác		
Tổng	-	-
Chi phí khác		
Chi phí khác	-	232.560.781
Tổng	-	-232.560.781
Lãi (lỗ) hoạt động khác	-	(232.560.781)

5.21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(4.769.270.824)	(9.138.313.876)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(4.769.270.824)	(9.138.313.876)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(477)	(914)

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt

Họ tên	Chức vụ	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thù lao của Hội đồng Quản Trị			
Ông Lê Quý Hiến	Chủ tịch	-	-
Ông Chu Tiến Vượng	Phó chủ tịch	-	-
Ông Bùi Hồng Hải	Thành viên	-	-
Bà Huỳnh Thị Thu Hương	Thành viên	-	-
Ông Lê Mỹ Hà	Thành viên	-	-
Cộng		-	-
Thù lao của Ban Kiểm soát			
Ông Nguyễn Thanh Ba	Trưởng ban	-	-
Ông Nguyễn Như Nam	Thành viên	-	-
Cộng		-	-
Tiền lương của TGD và người quản lý khác			
Ông Lê Mỹ Hà	Tổng Giám đốc	90.124.117	116.259.760
Ông Nguyễn Quang Anh	Phụ trách kế toán	203.751.684	-
Bà Phạm Thị Ngọc Hà	Kế toán trưởng	-	220.564.080
Ông Nguyễn Thanh Ba	Trưởng Ban Kiểm Soát	106.386.696	114.060.778
Ông Nguyễn Như Nam	Thành viên BKS	27.754.546	30.000.000
Cộng		428.017.043	480.884.618

Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty là Công ty TNHH Đầu tư thương mại và Xuất nhập khẩu Tâm An là cổ đông của Công ty và Công ty Cổ phần Kết nối tài chính Việt Nam là Công ty có cùng Chủ tịch HĐQT.

Trong kỳ, Công ty phát sinh giao dịch về chi phí tiền thuê văn phòng với Công ty Cổ phần kết nối tài chính Việt Nam với số tiền: 1.898.208.000 VND (cùng kỳ năm trước là 395.460.000 VND); và tiền mua cổ phần Công ty TNHH Alaska của Công ty TNNN Đầu tư thương mại và XNK Tâm An, Công ty đã thanh toán đủ cho bên chuyển nhượng là Công ty TNNN Đầu tư thương mại và XNK Tâm An 7.000.000.000 VND tiền mua cổ phần.

Số dư về công nợ phải thu, phải trả với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số 5.5; 5.10.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

6.2 Chính sách quản lý rủi ro tài chính

Quản lý rủi ro phát sinh từ hoạt động kinh doanh là một phần quan trọng trong công tác quản trị của Công ty. Công ty có hệ thống kiểm soát mức cân đối có thể chấp nhận được giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc theo dõi liên tục quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo mức cân đối phù hợp giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban tổng giám đốc xem xét và thống nhất các chính sách quản lý những rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh như tổng hợp dưới đây.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hoá và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn và đầu tư chứng khoán sẵn sàng để bán.

Khi tính toán phân tích độ nhạy, Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của bảng cân đối kế toán có liên quan đến chứng khoán nợ sẵn sàng để bán; độ nhạy của các khoản mục trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tương ứng là sự ảnh hưởng của những thay đổi giả định về rủi ro thị trường tương ứng dựa trên các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản nợ phải trả tài chính. Những khoản này phần lớn là ngắn hạn và không được nắm giữ với mục đích đầu cơ.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Phân tích về mức độ nhạy với lãi suất không được thực hiện cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 do mức độ rủi ro lãi suất của Công ty rất nhỏ.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái. Rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động của Công ty khi doanh thu hoặc chi phí có gốc tiền tệ khác so với đồng tiền kế toán của Công ty.

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020, Công ty không có rủi ro ngoại tệ.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Chứng khoán vốn niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ chịu ảnh hưởng của rủi ro giá thị trường phát sinh do tình trạng không chắc chắn về giá trị trong tương lai của các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại ngày lập báo cáo tài chính này, giá trị hợp lý của chứng khoán niêm yết là 455.400.000 đồng. Sự tăng (hoặc giảm) 10% của chứng khoán niêm yết có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỉ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu kéo dài của sự

6.2 Chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm cả tiền gửi ngân hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương ứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời gian đáo hạn của tài sản và các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

31/12/2020	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.599.505.525	-	12.599.505.525
Chứng khoán kinh doanh	22.905.369.536	-	22.905.369.536
Các khoản phải thu ngắn hạn	4.743.311.616	-	4.743.311.616
Các khoản phải thu dài hạn	-	2.105.064.000	2.105.064.000
	40.248.186.677	2.105.064.000	42.353.250.677
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán	652.400.000	-	652.400.000
	652.400.000	-	652.400.000
Chênh lệch thanh khoản ròng	39.595.786.677	2.105.064.000	41.700.850.677

Tài sản đảm bảo

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản vay và nợ ngắn hạn và không sử dụng bất kỳ tài sản nào của Công ty nhằm đảm bảo cho bất kỳ khoản vay và nợ ngắn hạn của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31/12/2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM – thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2021

Người lập

Phụ trách kế toán

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Quang Anh

Nguyễn Quang Anh

Lê Quý Hiền

